

bộ thuộc Danh mục hàng hóa phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, sau khi cơ quan kiểm tra (Cục Đăng kiểm Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải) cấp Giấy chứng nhận chất lượng xe ô tô nhập khẩu, cơ quan hải quan căn cứ nội dung chứng nhận, nếu phù hợp quy định hiện hành mới xác nhận Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu, nếu không phù hợp, hải quan lập biên bản xử lý theo quy định của pháp luật.

Khi nhận được quyết định của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành buộc tái xuất đối với hàng hóa nhập khẩu không đạt chất lượng, hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục nhập khẩu cho lô hàng có trách nhiệm đối chiếu bộ hồ sơ lưu của lô hàng đã được thông quan trước đó với thực tế lô hàng do chủ hàng xuất trình và quyết định buộc tái xuất, nếu phù hợp thì làm thủ tục tái xuất. Trường hợp lô hàng theo quyết định buộc tái xuất không phù hợp với bộ hồ sơ hải quan đang lưu giữ thì cơ quan hải quan chuyển trả lại cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành xử lý tiếp theo quy định của pháp luật.

#### **4. Các tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng.**

- Các cơ quan kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc các Bộ quản lý chuyên ngành;

- Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ giám định, đủ điều kiện được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường công nhận, chỉ định kiểm tra mặt hàng cụ thể sau khi đã thỏa thuận với các Bộ quản lý chuyên ngành.

Tên hàng hóa phải kiểm tra và tên cơ quan kiểm tra được quy định tại Danh mục hàng hóa phải kiểm tra nhà nước.

### **III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, các Bộ quản lý chuyên ngành và Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức quán triệt đến các đơn vị trực thuộc, thông báo công khai tại cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa và nơi làm thủ tục hải quan để chủ hàng biết, thực hiện./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường  
*Thủ trưởng*

**BÙI MẠNH HẢI**

KT. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan  
*Phó Tổng cục trưởng*

**ĐẶNG VĂN TẠO**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**QUYẾT ĐỊNH số 21/2001/QĐ-BGDĐT**  
**ngày 06/6/2001 về việc ban hành**  
**Chương trình khung giáo dục**  
**trung học chuyên nghiệp.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC**  
**VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách*

*nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30/8/2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ biên bản thẩm định ngày 07 tháng 2 năm 2001 của Hội đồng thẩm định Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Chương trình khung này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan quản lý trường, Hiệu trưởng các trường trung học chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo trung học chuyên nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo  
Thủ trưởng

NGUYỄN VĂN VỌNG

## CHƯƠNG TRÌNH khung giáo dục trung học chuyên nghiệp

*(ban hành theo Quyết định số 21/2001/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

### Chương I

#### CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp quy định nội dung tổng thể các hoạt động giáo dục của một khóa học thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bố hợp lý thời gian theo quy định của Luật Giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng và mục tiêu giáo dục.

**Điều 2.** Mục tiêu giáo dục trung học chuyên nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp ở trình độ trung cấp, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định mục tiêu và xây dựng Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành.

Hiệu trưởng các trường trung học chuyên nghiệp chịu trách nhiệm xác định mục tiêu và xây dựng Chương trình giáo dục cụ thể đối với những ngành mà trường đào tạo trên cơ sở các quy định trong Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp này và các Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành.

**Điều 3.** Thời gian đào tạo của một khóa học là 1 đến 2 năm đối với hệ tuyển học sinh tốt nghiệp từ trung học phổ thông và 3 đến 4 năm đối với hệ tuyển học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở. Các Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp tương ứng với hai hệ tuyển trên của cùng một ngành đào tạo phải đảm bảo có

khối lượng kiến thức chuyên môn cơ bản tương đương để hai hệ có cùng một chuẩn trình độ.

Đối với các ngành đặc thù thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao đòi hỏi thời gian đào tạo dài hơn quy định trên và có hệ đào tạo tuyển từ bậc tiểu học thì các Bộ chuyên ngành và Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp nghiên cứu và xây dựng Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp theo quy định riêng trên cơ sở Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30/8/2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.

**Điều 4.** Các yêu cầu cơ bản của Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp bao gồm:

1. Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp phải phản ánh đúng mục tiêu giáo dục. Cấu trúc của hệ thống kiến thức trong Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp phải phù hợp với định hướng của mục tiêu giáo dục.

2. Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp phải thể hiện được:

a) Sự hợp lý về quy trình đào tạo.

b) Sự cân đối về khối lượng nội dung đào tạo giữa các năm học, giữa các học kỳ của một năm học, giữa lý thuyết và thực hành.

c) Sự phân bố hợp lý các môn thi và các môn kiểm tra theo các học kỳ và các năm học phù hợp với quy trình kiểm tra, thi, thi tốt nghiệp.

3. Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp phải có tính khả thi, có khả năng phòng ngừa trước các biến động để đảm bảo được thực hiện đúng tiến độ và có thể điều chỉnh được khi có biến động.

4. Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp phải có tính liên thông, phân luồng, ổn định trong nhiều năm và trở thành một trong những nhân tố đầu tiên quyết định chất lượng và hiệu quả đào tạo.

**Điều 5.** Các mục đích cơ bản của Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp bao gồm:

1. Đối với các Bộ, ngành, Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp là cơ sở để xây dựng các Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành.

2. Đối với nhà trường, Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp và Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành là cơ sở để:

a) Xây dựng chương trình giáo dục của trường và kế hoạch dạy học.

b) Triển khai nội dung đào tạo, xây dựng quy trình và phương pháp đào tạo.

c) Xây dựng kế hoạch công tác giáo viên.

d) Chuẩn bị phương tiện, cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động khác phục vụ cho quá trình giảng dạy và học tập.

3. Đối với cơ quan quản lý trường, Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp là một trong các căn cứ để quản lý các hoạt động giáo dục, tiến hành kiểm tra, thanh tra và đánh giá kết quả đào tạo của nhà trường.

## Chương II

### NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC THỜI GIAN CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHÓA HỌC

**Điều 6.** Các hoạt động giáo dục và đào tạo trong khóa học bao gồm:

1. Giảng dạy các môn văn hóa phổ thông (chỉ áp dụng cho hệ tuyển trung học cơ sở).

2. Giảng dạy các môn chung.

3. Giảng dạy các môn cơ sở và các môn chuyên môn.

4. Thực tập trong các năm học và thực tập tốt nghiệp.

5. Hoạt động giáo dục ngoại khóa.

**Điều 7.** Các hoạt động giáo dục ngoại khóa bao gồm: tham quan, báo cáo chuyên đề, hoạt động xã hội, tham gia thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Các hoạt động này phải phục vụ cho mục tiêu giáo dục và do Hiệu trưởng quyết định.

**Điều 8.** Thời gian đào tạo của một khóa học được tính theo năm và tháng. Trừ các ngành đặc thù, các khóa học được quy định như sau:

1. Hệ tuyển học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở gồm các khóa học: 3 năm; 3 năm 6 tháng; 4 năm.

2. Hệ tuyển học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông gồm các khóa học: 1 năm; 1 năm 6 tháng; 2 năm.

Thời gian đào tạo cụ thể của các khóa học đối với hai hệ tuyển trên của cùng một ngành đào tạo do Bộ, ngành quyết định sau khi có sự thỏa thuận bằng văn bản với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các trường trung học chuyên nghiệp địa phương có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về thời gian đào tạo của Bộ, ngành.

**Điều 9.** Khóa đào tạo 1 năm chỉ áp dụng đối với:

1. Học sinh đã tốt nghiệp các khóa đào tạo nghề dài hạn hoặc sơ cấp nghiệp vụ với thời gian đào tạo trên 1 năm (cùng ngành học) có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học nghề (trước đây) hoặc bằng bổ túc văn hóa tương đương.

2. Học sinh đã tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc bậc cao hơn một ngành khác.

**Điều 10.** Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ. Học kỳ ngắn nhất trong khóa học có thời gian tối thiểu là 17 tuần. Trong một học kỳ không bố trí quá 8 môn học.

Thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo tuần.

Thời gian giảng dạy lý thuyết và thực hành các môn học được tính theo tiết. Mỗi tiết là 45 phút. Mỗi ngày bố trí học từ 1 đến 2 buổi. Trong những ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 6 tiết. Mỗi tuần không bố trí quá 32 tiết học lý thuyết.

Thời gian thực tập, thực tập tốt nghiệp và lao động sản xuất (nếu có) được tính theo giờ, mỗi ngày không bố trí quá 8 giờ.

**Điều 11.** Nội dung các hoạt động trong khóa học và sự phân bố thời gian tương ứng cho hai hệ tuyển học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông và trung học cơ sở được quy định trong bảng 1 của Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp nhằm bảo đảm cho học sinh ra trường ở mỗi ngành đều đạt các chuẩn kiến thức và kỹ năng quy định. Hiệu trưởng các trường được quyền lựa chọn thời gian cho các hoạt động trong khoảng đó căn cứ vào mục tiêu giáo dục và hoàn cảnh cụ thể của từng trường.

**Điều 12.** Các môn văn hóa phổ thông bao gồm: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh vật, Văn - Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lý được chia thành 3 nhóm chính. Nhóm I gồm các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Văn - Tiếng Việt; nhóm II gồm các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh vật, Văn - Tiếng Việt; nhóm III gồm các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Văn - Tiếng Việt, Lịch sử, Địa lý. Tùy theo tính chất ngành nghề Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp của mỗi ngành đào tạo phải bố trí ít nhất 4 môn văn hóa, trong đó có 3 môn thi tốt nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp.

Sau khi kết thúc chương trình các môn văn hóa phổ thông, các trường được quyền tổ chức thi tốt nghiệp riêng cho 3 môn văn hóa phổ thông và bảo lưu kết quả đến cuối khóa học để xét tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp.

**Điều 13.** Việc lựa chọn các môn văn hóa phổ thông phải phù hợp với mục tiêu giáo dục ngành.

Nhóm I áp dụng cho các ngành thuộc khối công nghiệp, kinh tế. Nhóm II áp dụng cho các ngành thuộc khối nông - lâm - ngư nghiệp, y tế, thể dục thể thao. Nhóm III áp dụng cho các ngành thuộc khối văn hóa nghệ thuật, du lịch, hành chính pháp lý.

Trong các môn thi tốt nghiệp có 3 môn văn hóa phổ thông được quy định như sau:

1. Môn Toán, môn Vật lý, môn Hóa học nếu chương trình văn hóa phổ thông áp dụng theo nhóm I.

2. Môn Toán, môn Hóa học, môn Sinh vật nếu chương trình văn hóa phổ thông áp dụng theo nhóm II.

3. Môn Văn - Tiếng Việt, môn Lịch sử, môn Địa lý nếu chương trình văn hóa phổ thông áp dụng theo nhóm III.

**Điều 14.** Đối với các ngành có tính chất đặc thù riêng, không phù hợp với các nhóm trên, Hiệu trưởng xem xét kết hợp hai hay ba nhóm để lựa chọn các môn học đồng thời dự kiến 3 môn thi tốt nghiệp và chỉ được thực hiện sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận bằng văn bản.

**Điều 15.** Thời gian giảng dạy các môn văn hóa phổ thông là 1200 - 1380 tiết. Mức tối thiểu (1200 tiết) áp dụng cho khóa học 3 năm. Các khóa học 3 năm 6 tháng, 4 năm áp dụng từ mức tối thiểu đến mức tối đa tùy theo từng ngành cụ thể và do Hiệu trưởng quyết định.

Trong Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp, định mức thời gian các môn văn hóa phổ thông cho các khóa học được quy định trong Bảng 2.

**Điều 16.** Các môn chung bao gồm: Giáo dục quốc phòng, Chính trị, Thể dục thể thao, Tin học, Ngoại ngữ và Giáo dục pháp luật là các môn bắt buộc đối với mọi ngành đào tạo thuộc hai hệ tuyển.

Môn ngoại ngữ quy định ở Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp này là tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp và tiếng Trung quốc.

Ngoài các ngoại ngữ đó, nếu chọn ngoại ngữ khác để đưa vào Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp phải được sự đồng ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 17.** Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp về sự phân bố thời gian giảng dạy các môn chung được quy định trong Bảng 3. Số tiết quy định cho các môn Giáo dục quốc phòng, Chính trị, Giáo dục pháp luật theo từng khóa học là mức tối thiểu đối với tất cả các ngành đào tạo. Số tiết đối với các môn Thể dục thể thao, Tin học, Ngoại ngữ được quy định ở mức tối thiểu hoặc trong khoảng từ mức tối thiểu đến mức tối đa. Hiệu trưởng các trường trung học chuyên nghiệp được quyền lựa chọn số tiết đối với từng môn học trong khoảng quy định.

**Điều 18.** Thời gian đào tạo các môn cơ sở và các môn chuyên môn, thời gian thực tập và thực tập tốt nghiệp do các Bộ, ngành quy định trong Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành. Các môn học, các hoạt động thực tập và thực tập tốt nghiệp trong toàn khóa học phải được bố trí hợp lý theo trình tự thời gian thành quy trình đào tạo một cách khoa học và do Hiệu trưởng quyết định.

**Điều 19.** Chương trình khung về các môn cơ sở, các môn chuyên môn và sự phân bố thời gian tương ứng của từng môn học trong một ngành đào tạo do Bộ, ngành tổ chức biên soạn, ban hành thống nhất trong toàn ngành sau khi thỏa thuận với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 20.** Đối với các ngành có đào tạo chuyên ngành thì thời gian đào tạo chuyên ngành là 30% tổng thời gian được bố trí cho các môn cơ sở và các môn chuyên môn.

**Điều 21.** Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm ban hành thống nhất chương trình các môn văn hóa phổ thông, các môn chung và phối hợp với các Bộ, ngành ban hành chương trình các môn học chung cho nhiều ngành.

**Điều 22.** Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm ban hành chương trình các môn cơ sở, các môn

chuyên môn và các môn chuyên ngành sau khi thỏa thuận với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Với mỗi môn học, Bộ, ngành quy định từ 70 đến 75% các nội dung cơ bản (phần cứng), từ 25 đến 30% các nội dung lựa chọn (phần mềm) do Hiệu trưởng quy định, tùy theo tính đặc thù của từng trường.

**Điều 23.** Các môn thi, các môn kiểm tra và hệ số môn học tương ứng trong từng học kỳ và các môn thi tốt nghiệp phải thực hiện theo Quy chế thi, kiểm tra, xét lên lớp, xét tốt nghiệp trong các trường trung học chuyên nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

### Chương III

#### QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

**Điều 24.** Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm ban hành các quy định chung và Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp cho toàn ngành.

Trên cơ sở Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp, các Bộ, ngành có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo để xây dựng và ban hành các Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành cho các trường trung học chuyên nghiệp trực thuộc và các trường trung học chuyên nghiệp địa phương cùng khối ngành. Các Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành đã ban hành phải được gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi và quản lý.

**Điều 25.** Hiệu trưởng các trường trung học chuyên nghiệp chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng các quy định trong Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành của các Bộ, ngành.

2. Xây dựng chương trình giáo dục toàn khóa và

kế hoạch dạy học của những ngành mà trường đào tạo.

3. Cử giáo viên tham gia biên soạn giáo trình, sách giáo khoa các môn học do Bộ, ngành tổ chức để áp dụng thống nhất trong ngành.

4. Tổ chức biên soạn giáo trình các môn học chưa có giáo trình chung.

5. Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo chương trình giáo dục các ngành học và Chương trình các môn cơ sở và các môn chuyên môn của các ngành đang đào tạo tại trường làm cơ sở cho công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra giáo dục và công tác tổng kết giáo dục toàn ngành trung học chuyên nghiệp.

**Điều 26.** Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo và tạo điều kiện để các trường trực thuộc thực hiện đúng Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp và các Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành đã ban hành.

2. Kiểm tra, giám sát chương trình giáo dục toàn khóa, kế hoạch dạy học năm học và việc thực hiện các quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các trường trực thuộc và các trường đóng trên địa bàn.

### Chương IV

#### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 27.** Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp này áp dụng cho hình thức đào tạo chính quy theo niên chế ở các trường trung học chuyên nghiệp (bao gồm các loại hình công lập, bán công, dân lập và tư thục), các cơ sở đào tạo trung học chuyên nghiệp trong cả nước./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo  
Thủ trưởng

NGUYỄN VĂN VỌNG

Bảng 1. QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHÓA HỌC

Nội dung các hoạt động trong khóa học	Hệ tuyển trung học phổ thông			Hệ tuyển trung học cơ sở		
	Khóa học 1 năm (50 - 52 tuần)	Khóa học 1,5 năm (73 - 78 tuần)	Khóa học 2 năm (99 - 104 tuần)	Khóa học 3 năm (151 - 156 tuần)	Khóa học 3,5 năm (168 - 182 tuần)	Khóa học 4 năm (190 - 208 tuần)
Các môn văn hóa phổ thông				40 tuần (1200 tiết)	40 - 45 tuần (1200 - 1380 tiết)	40 - 45 tuần (1200 - 1380 tiết)
Các môn chung	8 tuần 228 - 258 tiết	11 tuần 285 - 345 tiết	17 tuần 420 - 465 tiết	18 tuần 525 - 585 tiết	18 - 19 tuần 525 - 600 tiết	19 - 20 tuần 555 - 630 tiết
Các môn cơ sở và các môn chuyên môn	18 - 19 tuần 576 - 608 tiết	28 - 29 tuần 896 - 928 tiết	32 - 33 tuần 1024 - 1056 tiết	32 - 33 tuần 1024 - 1056 tiết	34 - 36 tuần 1056 - 1152 tiết	38 - 41 tuần 1152 - 1280 tiết
Thực tập (thực tập tốt nghiệp)	13 - 14 tuần (7 - 8 tuần)	18 - 20 tuần (8 - 11 tuần)	25 - 26 tuần (8 - 13 tuần)	25 - 26 tuần (8 - 13 tuần)	33 - 35 tuần (10 - 14 tuần)	39 - 44 tuần (10 - 14 tuần)
Thi	5 tuần	6 - 8 tuần	7 - 10 tuần	10 - 13 tuần	13 - 17 tuần	15 - 19 tuần
- Thi học kỳ	2 tuần	3 - 4 tuần	4 - 5 tuần	5 - 6 tuần	7 - 9 tuần	9 - 11 tuần
- Thi tốt nghiệp	3 tuần	3 - 4 tuần	3 - 5 tuần	5 - 7 tuần	6 - 8 tuần	6 - 8 tuần
Nghỉ hè, nghỉ tết và các ngày lễ	4 tuần	7 tuần	13 tuần	20 tuần	23 tuần	29 tuần
Lao động công ích	1 tuần	1 tuần	2 tuần	3 tuần	3 tuần	4 tuần
Dự trữ	1 tuần	2 tuần	3 tuần	3 tuần	4 tuần	6 tuần

**Bảng 2. QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN GIẢNG DẠY CÁC MÔN VĂN HÓA PHỔ THÔNG**

Tên các môn học	Nhóm I (số tiết)	Nhóm II (số tiết)	Nhóm III (số tiết)
Toán	525 - 540	390 - 450	180 - 225
Vật lý	240 - 330	180 - 225	75 - 90
Hóa học	180 - 240	180 - 225	75 - 90
Sinh vật	0	195 - 210	0
Văn - Tiếng Việt	255 - 270	255 - 270	465 - 495
Lịch sử	0	0	225 - 255
Địa lý	0	0	180 - 225
<b>Tổng số tiết</b>	<b>1200 - 1380</b>	<b>1200 - 1380</b>	<b>1200 - 1380</b>

**Bảng 3. QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN GIẢNG DẠY CÁC MÔN CHUNG**

Tên môn học	Hệ tuyển trung học phổ thông			Hệ tuyển trung học cơ sở		
	Khóa học 1 năm (số tiết)	Khóa học 1,5 năm (số tiết)	Khóa học 2 năm (số tiết)	Khóa học 3 năm (số tiết)	Khóa học 3,5 năm (số tiết)	Khóa học 4 năm (số tiết)
Giáo dục quốc phòng	45 tiết	45 tiết	75 tiết	120 tiết	120 tiết	120 tiết
Chính trị	45 tiết	45 tiết	90 tiết	120 tiết	120 tiết	120 tiết
Thể dục thể thao	30 tiết	45 - 60 tiết	60 tiết	60 - 75 tiết	60 - 90 tiết	60 - 90 tiết
Tin học	30 tiết	30 - 45 tiết	45 - 60 tiết	45 - 60 tiết	45 - 60 tiết	45 - 60 tiết
Ngoại ngữ	60 - 90 tiết	90 - 120 tiết	120 - 150 tiết	150 - 180 tiết	150 - 180 tiết	180 - 210 tiết
Giáo dục pháp luật	18 tiết	30 tiết	30 tiết	30 tiết	30 tiết	30 tiết
<b>Tổng số tiết</b>	<b>228 - 258 tiết</b>	<b>285 - 345 tiết</b>	<b>420 - 465 tiết</b>	<b>525 - 585 tiết</b>	<b>525 - 600 tiết</b>	<b>555 - 630 tiết</b>